

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tổng Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300585984, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38 294 513
- Fax : 08 38 298 586

Tổng Công ty có Chi nhánh Hà Nội đặt tại địa chỉ Số 8 đường Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân được vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu. Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng cho nhiệm vụ của Tổng Công ty;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật. Chi tiết: Sản xuất dầu mỡ động thực vật, tinh dầu và các sản phẩm từ cây có dầu; Sản xuất diesel sinh học (biodiesel) (không sản xuất tại cơ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa than gáo dừa (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự. Chi tiết: Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất bia (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty);
- Sản xuất bao bì bằng gỗ. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản) (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hóa khác. Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch	29 tháng 11 năm 2014
Ông Trần Lê Nguyên	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Trưởng ban	29 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	29 tháng 11 năm 2014

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	15 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2015
Ông Hồ Minh Sơn	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

449815
NG TY
KIỂM HỮU
TÍN VÀ TƯ
& C
T. PHỐ

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Kim Thành
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 02 năm 2017



C.T. T.N.H.H.
HẠN VẤN
HỒ CHÍ MINH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0090/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 15 tháng 3 năm 2016 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc Tổng Công ty phân bổ lợi thế kinh doanh với thời hạn là 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần). Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính thì lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 03 năm.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Minh Khiêm - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0785-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		911.787.441.544	869.158.957.876
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	126.872.599.785	85.329.190.049
1. Tiền	111		126.872.599.785	55.199.190.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.130.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		131.805.834.641	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	131.805.834.641	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.528.388.980	500.033.549.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	304.649.150.823	337.499.078.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.353.175.585	2.475.636.938
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.306.897.108	164.644.033.390
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.490.803.357)	(5.642.232.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		709.968.821	1.057.032.723
IV. Hàng tồn kho	140		314.504.336.746	260.537.201.308
1. Hàng tồn kho	141	V.7	314.504.336.746	260.537.201.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.076.281.392	23.259.017.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.907.606.826	643.935.181
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.025.073.776	7.324.372.233
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	16.143.600.790	15.290.710.023
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.401.491.579.382	1.541.062.607.407
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		265.000.000	135.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	265.000.000	135.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		199.232.015.937	227.116.560.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	197.860.177.842	225.378.644.411
- Nguyên giá	222		402.084.382.118	410.111.533.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.224.204.276)	(184.732.888.687)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.371.838.095	1.737.916.488
- Nguyên giá	228		4.660.083.240	4.660.083.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.288.245.145)	(2.922.166.752)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.771.220.512	261.360.122
- Nguyên giá	231		13.541.739.732	2.178.001.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.770.519.220)	(1.916.640.920)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.974.115.000	25.793.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	3.974.115.000	25.793.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.166.595.381.660	1.287.378.456.185
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	114.604.406.000	537.235.235.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.099.183.414.184	865.094.972.909
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(47.192.438.524)	(114.951.752.524)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.653.846.273	26.145.436.565
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	25.653.846.273	26.145.436.565
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.313.279.020.926	2.410.221.565.283

15-C.T
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 Ồ CHỊ

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		774.803.865.248	1.141.218.217.696
I. Nợ ngắn hạn	310		761.654.411.322	1.127.526.353.314
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	311.939.779.459	210.118.567.602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	9.944.862.703	3.649.532.171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.127.227.743	976.534.875
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.289.016.000	13.908.877.499
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.646.245.098	4.934.040.817
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	69.966.842.653	273.755.361.537
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	353.381.269.190	612.231.139.126
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5.359.168.476	7.952.299.687
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13.149.453.926	13.691.864.382
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	497.827.000	218.309.400
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	12.651.626.926	13.473.554.982
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.538.475.155.678	1.269.003.347.587
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.538.475.155.678	1.269.003.347.587
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	5.100.000.000	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	315.375.155.678	51.003.347.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		43.353.347.587	51.003.347.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		272.021.808.091	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.313.279.020.926	2.410.221.565.283

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017


 Nguyễn Phương Minh
 Người lập


 Hồ Minh Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Xuân Liễu
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.158.274.039.249	3.596.198.456.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.852.265.296	3.500.994.553
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.156.421.773.953	3.592.697.461.543
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.959.286.387.390	3.435.176.249.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		197.135.386.563	157.521.211.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	221.186.496.921	172.890.456.911
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.171.893.985	159.263.869.423
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.562.503.815	23.399.778.109
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	64.799.280.920	44.488.279.337
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	72.923.607.465	77.550.626.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		271.427.101.114	49.108.892.776
11. Thu nhập khác	31	VI.8	923.827.117	3.313.177.476
12. Chi phí khác	32	VI.9	329.120.140	1.418.722.665
13. Lợi nhuận khác	40		594.706.977	1.894.454.811
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		272.021.808.091	51.003.347.587
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>272.021.808.091</u>	<u>51.003.347.587</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Phương Minh
Người lập

Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		272.021.808.091	51.003.347.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,11	26.439.156.582	25.788.271.230
- Các khoản dự phòng	03	V.2c,6	(67.910.742.643)	120.593.984.524
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	140.807.251	951.727.131
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.5,6,9	(214.414.942.319)	(169.755.575.483)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.562.503.815	23.399.778.109
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.838.590.777	51.981.533.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.457.014.593	189.465.591.448
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(53.967.135.438)	2.357.016.684
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(103.982.973.400)	(122.572.516.556)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(772.081.353)	2.973.842.365
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18,VI.5	(26.803.420.774)	(23.474.927.165)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	265.750.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(5.143.131.211)	(4.510.550.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117.373.136.806)	96.485.739.873
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.045.496.027)	(5.694.157.308)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(181.805.834.641)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.846.912.000)	(800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		327.453.322.808	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		237.977.044.271	134.803.530.383
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		418.753.033.502	128.309.373.075

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	2.280.368.567.932	1.813.811.031.743
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(2.540.201.904.994)	(2.256.156.448.892)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(259.833.337.062)	(442.345.417.149)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		41.546.559.634	(217.550.304.201)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.329.190.049	302.909.801.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.149.898)	(30.307.255)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	126.872.599.785	85.329.190.049

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Phương Minh
Người lập



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

315-C
TY
HỮU H
À TƯ V
C
HỒ CH

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: sản xuất dầu, mỡ động, thực vật và kinh doanh dầu mỡ động thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ⁽ⁱ⁾	Lô 6-12 Khu Công Nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.	46,56%	46,56%	46,56%

- ⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Tổng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật bị Tổng Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Số 48/5 đường Phan Huy Ích, 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	27 %	27 %	27 %
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Số 370, Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	49%	49%	49%
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Khu Công nghiệp Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	24%	24%	24%
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	KCN Nhơn Trạch 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ⁽ⁱ⁾	Số 889 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	17,84%	17,84%	17,84%
Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	Khu Kinh tế Nghi Sơn xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	30%	30%	30%

- ⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ít hơn 20% nhưng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể do Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty giữ quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tổng Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội đặt tại địa chỉ Số 8 đường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 326 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 343 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

0449
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
&
-T.P.H

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là lợi thế kinh doanh, công cụ dụng cụ, chi phí nạo vét duy tu cảng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí nạo vét, duy tu cảng

Chi phí nạo vét, duy tu cảng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01-02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác là chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho, cầu cảng... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25
Máy móc và thiết bị	05-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là nhà 16 -50 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	153.088.675	232.625.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.719.511.110	54.966.564.549
Các khoản tương đương tiền	-	30.130.000.000
<i>(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i>		
Cộng	<u><u>126.872.599.785</u></u>	<u><u>85.329.190.049</u></u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá gốc bằng giá trị sổ sách.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Giá trị hợp lý	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con	114.604.406.000	-		537.235.235.800	(67.759.314.000)	
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ⁽ⁱ⁾	-	-		444.307.501.800	(67.759.314.000)	376.548.187.800
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật ⁽ⁱⁱ⁾	26.800.921.000	-		76.800.921.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật ⁽ⁱⁱⁱ⁾	16.126.813.000	-		16.126.813.000	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ^(iv)	71.676.672.000	-	59.596.800.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.099.183.414.184	(47.192.438.524)		865.094.972.909	(47.192.438.524)	
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	235.221.618.600	-	407.409.834.000	-	-	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ^(v)	47.192.438.524	(47.192.438.524)		47.192.438.524	(47.192.438.524)	
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ^(vi)	572.600.582.675	-		509.904.000.000	-	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina ^(vii)	71.321.827.562	-		67.321.827.562	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	-	-		67.829.760.000	-	72.422.400.000
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ^(viii)	21.646.946.823	-		21.646.946.823	-	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ^(ix)	151.200.000.000	-		151.200.000.000	-	-
Cộng	1.213.787.820.184	(47.192.438.524)		1.402.330.208.709	(114.951.752.524)	

(i) Trong năm theo Nghị quyết Số 31/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty đã bán 4.555.248 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đang nắm giữ 5.124.654 cổ phiếu, tương đương 27% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

(ii) Trong năm Công ty Cổ phần Trích ly Dầu thực vật đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 02 năm 2016. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đã chấp thuận thông qua việc điều chỉnh giảm vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật từ 71.600.000.000 VND xuống còn 21.600.000.000 VND theo Nghị quyết Số 17/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 2 năm 2016. Hiện nay Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật tương đương 100% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Trong năm Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 28 ngày 01 tháng 2016. Hiện nay Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật 16.126.813.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iv) Trong năm Tổng Công ty đã mua thêm 192.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật với giá mua là 3.846.912.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 3.724.800 cổ phiếu, tương đương 46,56% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần bao Bì Dầu thực vật (số đầu năm là 3.532.800 cổ phiếu, tương đương 44,16% vốn điều lệ).
- (v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000336 ngày 18 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Dầu ăn Golden Hope 2.792.044,6 USD tương đương 49% vốn điều lệ.
- (vi) Trong năm theo Nghị quyết Số 28/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 và Nghị quyết Số 30/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty thống nhất bổ sung góp vốn góp vào Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân lần lượt là 44.308.984.000 VND và 18.387.598.675 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty nắm giữ 24% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân.
- (vii) Trong năm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty đã góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-Vina với số tiền là 4.000.000.000 VND Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600254869 ngày 03 tháng 02 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-Vina 40% vốn điều lệ.
- (viii) Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình 1.593.295 cổ phiếu, tương đương 17,84% vốn điều lệ. Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ít hơn 20% nhưng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể do Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty giữ quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 262022000147 ngày 10 tháng 6 năm 2013 do Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam 30% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật và Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật đã tạm ngừng hoạt động và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 20 tháng 01 năm 2017, Công ty sẽ được sáp nhập vào Tổng Công ty.

Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	114.951.752.524	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	114.951.752.524
Hoàn nhập dự phòng	<u>(67.759.314.000)</u>	-
Số cuối năm	<u>47.192.438.524</u>	<u>114.951.752.524</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.431.877.844.335	2.225.341.491.690
Cổ tức được chia	11.615.880.000	7.743.920.000
Mua hàng	340.000.000	-
Thoái vốn	209.085.883.200	-
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	630.432.228.530	547.231.193.413
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.438.851.495
Lợi nhuận được chia	1.274.636.000	1.114.938.449
Mua hàng	1.129.961.320	866.544.000
Mua dịch vụ gia công dầu	-	1.553.678.000
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	-	126.260.356.345
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	38.869.715
Cổ tức được chia	-	-
Thoái vốn	50.000.000.000	-
Mượn công cụ, dụng cụ, hàng hóa	217.442.687	-
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật		
Cổ tức được chia	-	-
Mượn công cụ, dụng cụ, hàng hóa	139.845.785	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè		
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	117.008.826.700	-
Doanh thu dịch vụ	4.849.095.330	5.297.793.136
Mua hàng	1.248.561.000	1.759.671.500
Mua dịch vụ gia công, cân xe	795.220.490	-
Mượn nguyên liệu, hàng hóa	9.922.255.644	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân		
Doanh thu dịch vụ	8.426.313.200	53.358.353.080
Mua hàng	3.970.285.000	-
Lợi nhuận được chia	106.277.877.797	156.681.248.116
Góp vốn đầu tư	62.696.582.675	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>		
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật					
Doanh thu bán hàng, thành phẩm		74.650.400		2.695.895.136	
Mua hàng		4.699.698.130		5.585.685.816	
Cổ tức được chia		3.532.800.000		3.532.800.000	
Góp vốn đầu tư		3.846.912.000		-	
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-Vina					
Lợi nhuận được chia		13.672.191.179		-	
Góp vốn đầu tư		4.000.000.000		-	
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các bên liên quan		288.624.065.151		322.654.375.525	
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An		176.115.513.888		282.838.056.468	
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		45.745.441.060		25.320.922.384	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido		14.425.136.152		11.627.814.504	
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè		52.337.974.051		190.475.297	
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân		-		2.677.106.872	
Phải thu các khách hàng khác		16.025.085.672		14.844.702.506	
Các khách hàng khác		16.025.085.672		14.844.702.506	
Cộng		304.649.150.823		337.499.078.031	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn					
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Công ty TNHH Thương mại điện tử Iclick		-		255.000.000	
Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ DKSH		-		1.279.447.000	
Công ty TNHH Máy chiết rót và đóng gói Hòa Phát		-		343.500.000	
Amcors Flexibles China Co. Limited		-		381.495.240	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phát Triển		938.000.000		-	
Truyền Thông Long Việt		-		-	
Các nhà cung cấp khác		415.175.585		216.194.698	
Cộng		1.353.175.585		2.475.636.938	
5. Phải thu khác					
5a. Phải thu ngắn hạn khác					
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan		-	-	156.681.248.116	
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân – Phải thu lợi nhuận được chia		-	-	156.681.248.116	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		5.306.897.108	1.238.571.357	7.962.785.274	1.390.000.000
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức		1.238.571.357	1.238.571.357	1.390.000.000	1.390.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu		2.115.922.397			

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	245.675.000	-	185.782.246	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	-	4.096.091.682	-
Thuế tự vệ được hoàn	-	-	221.178.529	-
Phải thu bảo hiểm bồi thường	1.553.726.666	-	1.948.192.065	-
Ký quỹ	38.280.000	-	88.280.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	114.721.688	-	33.260.752	-
Cộng	5.306.897.108	1.238.571.357	164.644.033.390	1.390.000.000

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ thuê văn phòng.	135.000.000	135.000.000
Khoản ký quỹ làm khuôn	130.000.000	-
Cộng	265.000.000	135.000.000

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thù Đức						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	4.252.232.000	-	Trên 3 năm	4.252.232.000	-
Phải thu tiền khác	Trên 3 năm	1.238.571.357	-	Trên 3 năm	1.390.000.000	-
Cộng		5.490.803.357	-		5.642.232.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.642.232.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	5.642.232.000
Hoàn nhập dự phòng	(151.428.643)	-
Số cuối năm	5.490.803.357	5.642.232.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	100.923.003.542	-	38.668.485.432	-
Nguyên liệu, vật liệu	115.106.218.832	-	82.326.336.213	-
Công cụ, dụng cụ	3.194.449.104	-	2.831.934.140	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.288.426.530	-	-	-
Thành phẩm	62.059.850.891	-	79.464.087.823	-
Hàng hóa	31.932.387.847	-	57.246.357.700	-
Cộng	314.504.336.746	-	260.537.201.308	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	408.924.809	615.039.181
Chi phí tài trợ quảng cáo	624.999.999	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	873.682.018	28.896.000
Cộng	<u>1.907.606.826</u>	<u>643.935.181</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	20.463.587.545	23.021.535.985
Chi phí nạo vét, duy tu Cảng	2.247.675.680	881.671.506
Công cụ, dụng cụ	323.617.297	208.990.991
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.618.965.751	2.033.238.083
Cộng	<u>25.653.846.273</u>	<u>26.145.436.565</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	183.738.360.924	218.285.476.212	4.402.652.248	3.685.043.714	410.111.533.098
Mua trong năm	129.636.364	3.677.485.455	-	339.057.798	4.146.179.617
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(11.363.738.690)	-	-	-	(11.363.738.690)
Thanh lý, nhượng bán	(205.822.907)	(493.664.000)	-	(110.105.000)	(809.591.907)
Số cuối năm	<u>172.298.435.691</u>	<u>221.469.297.667</u>	<u>4.402.652.248</u>	<u>3.913.996.512</u>	<u>402.084.382.118</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.323.269.797	13.783.579.378	4.080.521.011	1.477.000.205	20.664.370.391
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	64.561.370.524	113.630.715.472	4.122.544.621	2.418.258.070	184.732.888.687
Khấu hao trong năm	7.782.800.894	17.501.659.768	252.230.895	390.732.816	25.927.424.373
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.708.224.484)	-	-	-	(5.708.224.484)
Thanh lý, nhượng bán	(136.468.063)	(483.024.768)	-	(108.391.469)	(727.884.300)
Số cuối năm	<u>66.499.478.871</u>	<u>130.649.350.472</u>	<u>4.374.775.516</u>	<u>2.700.599.417</u>	<u>204.224.204.276</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	119.176.990.400	104.654.760.740	280.107.627	1.266.785.644	225.378.644.411
Số cuối năm	<u>105.798.956.820</u>	<u>90.819.947.195</u>	<u>27.876.732</u>	<u>1.213.397.095</u>	<u>197.860.177.842</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
Số cuối năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.064.948.000	2.064.948.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.115.337.252	1.806.829.500	2.922.166.752
Khấu hao trong năm	107.959.893	258.118.500	366.078.393
Số cuối năm	1.223.297.145	2.064.948.000	3.288.245.145
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.479.797.988	258.118.500	1.737.916.488
Số cuối năm	1.371.838.095	-	1.371.838.095
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<u>Nhà</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.178.001.042
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang BĐS đầu tư	11.363.738.690
Số cuối năm	13.541.739.732
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.916.640.920
Khấu hao trong năm	145.653.816
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang BĐS đầu tư	5.708.224.484
Số cuối năm	7.770.519.220
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	261.360.122
Số cuối năm	5.771.220.512

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	25.793.636	3.974.115.000	-	(25.793.636)	3.974.115.000
<i>Hạng mục dây chuyền chiết dầu, đóng nắp, dán nhãn tự động</i>		- 3.877.115.000	-		- 3.877.115.000
<i>Hạng mục lắp băng tải con lăn inox</i>		- 97.000.000	-		- 97.000.000
<i>Hạng mục thiết kế nạo vét Cảng 20.000DWT</i>	25.793.636	-	-	(25.793.636)	-
Cộng	25.793.636	3.974.115.000	-	(25.793.636)	3.974.115.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 178.011.772.911 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2012	21.200.053.420
Năm 2013	43.329.712.772
Năm 2015	113.482.006.719
Cộng	178.011.772.911

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	961.030.399	435.687.423
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	906.032.468	427.465.060
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	3.423.419	8.222.363
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	51.574.512	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	310.978.749.060	209.682.880.179
Wilmar Trading Pte Ltd	145.891.074.722	29.724.386.487
Denali Trading Pte Ltd	153.126.359.143	134.154.893.239
Delima Oil products SDN BHD	-	37.631.898.494
Các nhà cung cấp khác	11.961.315.195	8.171.701.959
Cộng	311.939.779.459	210.118.567.602

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Huy Mai	1.790.868.400	-
Naeng Pov Import export Co., Ltd	1.004.355.300	-
Korea Zo-Ming General Corporation	-	1.284.209.479
Các khách hàng khác	7.149.639.003	2.365.322.692
Cộng	9.944.862.703	3.649.532.171

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Hoàn thuế</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.289.783.321	(3.289.783.321)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	360.976.810.441	(361.384.514.671)	407.704.230	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	22.554.971.034	(23.359.089.353)	804.118.319	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	15.290.710.023	-	-	-	-	15.290.710.023
Thuế thu nhập cá nhân	664.106.671	-	3.091.114.058	(3.157.429.224)	-	597.791.505	-
Tiền thuê đất	312.428.204	-	900.938.640	(683.930.606)	-	529.436.238	-
Thuế tự vệ	-	-	66.245.784.848	(67.449.311.962)	350.636.347	-	852.890.767
Các loại thuế khác	-	-	17.542.555	(17.542.555)	-	-	-
Cộng	976.534.875	15.290.710.023	457.076.944.897	(459.341.601.692)	1.562.458.896	1.127.227.743	16.143.600.790

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	272.021.808.091	51.003.347.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.817.524.059	3.472.613.810
Thu nhập chịu thuế	281.839.332.150	54.475.961.397
Thu nhập được miễn thuế	(136.373.384.976)	(167.957.968.116)
Lỗi các năm trước được chuyển	(145.465.947.174)	-
Thu nhập tính thuế	-	(113.482.006.719)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.332,7 m² đất đang sử dụng tại Đường Đào Tri, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức 30.240 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 2399/HĐ-GTĐ ngày 23 tháng 6 năm 2004.

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 519,6 m² đất đang sử dụng tại 21-23 Nguyễn Văn Cù, phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với mức 168.400 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 5924/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 5 tháng 10 năm 2012.

Thuế tự vệ

Theo Quyết định 8287/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 10 tháng 8 năm 2015 áp dụng mức thuế tự vệ đối với mặt hàng dầu thực vật tinh luyện nhập khẩu vào Việt Nam như sau:

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 5 năm 2016 3%
- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 07 tháng 5 năm 2017 2%

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2016.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	1.814.610.623	2.542.528.719
Chi phí lò hơi	807.065.100	763.247.340
Chi phí lãi vay phải trả	352.303.975	593.220.934
Chi phí trưng bày sản phẩm	1.428.674.400	271.612.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	243.591.000	763.431.824
Cộng	<u>4.646.245.098</u>	<u>4.934.040.817</u>

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>8.821.551.916</u>	<u>1.574.385.444</u>
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật - Khoản thuế được hoàn phải trả	1.574.385.444	1.574.385.444
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật - Hàng hóa tạm mượn	217.442.687	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật- Hàng hóa tạm mượn	139.845.785	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope – Hàng hóa tạm mượn	6.889.878.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	61.145.290.737	272.180.976.093
Tài sản thừa chờ giải quyết	86.344.946	-
Phải trả cổ phần hóa	51.509.418.292	262.764.887.645
Kinh phí công đoàn	378.610.631	199.146.791
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế,		
Bảo hiểm thất nghiệp	128.615.200	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	73.839.600	181.845.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.968.462.068	9.035.096.657
Cộng	69.966.842.653	273.755.361.537

19b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ về cho thuê nhà.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	59.142.615.903	-
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	82.678.131.672	188.952.911.739
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	210.577.054.489	386.111.166.457
Ngân hàng TMCP An Bình – Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	-	36.195.245.236
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	983.467.126	971.815.694
Cộng	353.381.269.190	612.231.139.126

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu và bảo lãnh phát hành thư tín dụng với lãi suất trong kỳ là 4,3%-4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động với lãi suất trong kỳ là 5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 – TP. Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh phục vụ phương án sản xuất kinh doanh với lãi suất trong kỳ là 4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C và thanh toán lương, khoản cho vay bảo đảm bằng khoản phải thu từ Bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức L/C với lãi suất trong kỳ là 2,5%, thời hạn vay tối đa không quá 04 tháng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	611.259.323.432	2.280.368.567.932	-	(2.539.230.089.300)	352.397.802.064
Vay dài hạn đến hạn trả	971.815.694	-	983.467.126	(971.815.694)	983.467.126
Cộng	612.231.139.126	2.280.368.567.932	983.467.126	(2.540.201.904.994)	353.381.269.190

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản phải trả Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 liên quan đến Hợp đồng thuê đất xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II ngày 12 tháng 5 năm 1998 để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA, phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 22 tháng 11 năm 2011 và phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 15 tháng 9 năm 2015, diện tích thuê đã điều chỉnh là 29.668 m² trong thời hạn 30 năm. Khoản vay phải trả lãi suất 0%.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	983.467.126	971.815.694
Trên 1 năm đến 5 năm	3.933.868.504	3.887.262.776
Trên 5 năm	8.717.758.422	9.586.292.206
Cộng	13.635.094.052	14.445.370.676

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	13.473.554.982
Tăng do đánh giá lại số dư cuối năm	161.539.070
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(983.467.126)
Số cuối năm	12.651.626.926

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.078.705.001	1.530.000.000	(1.294.850.000)	3.313.855.001
Quỹ phúc lợi	4.732.608.362	1.020.000.000	(3.848.281.211)	1.904.327.151
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	140.986.324	-	-	140.986.324
Cộng	7.952.299.687	2.550.000.000	(5.143.131.211)	5.359.168.476

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.218.000.000.000	-	-	1.218.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	51.003.347.587	51.003.347.587
Số dư cuối năm trước	1.218.000.000.000	-	51.003.347.587	1.269.003.347.587
Số dư đầu năm nay	1.218.000.000.000	-	51.003.347.587	1.269.003.347.587
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	272.021.808.091	272.021.808.091
Trích lập các quỹ trong năm	-	5.100.000.000	(7.650.000.000)	(2.550.000.000)
Số dư cuối năm nay	1.218.000.000.000	5.100.000.000	315.375.155.678	1.538.475.155.678

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn Nhà nước	442.119.000.000	442.119.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	292.320.000.000	292.320.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	97.440.000.000	97.440.000.000
Cổ đông khác	386.121.000.000	386.121.000.000
Cộng	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.800.000	121.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	: 2.550.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	: 5.100.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	594.686.399	594.686.399
Trên 1 năm đến 5 năm	2.378.745.597	2.378.745.597
Trên 5 năm	15.732.216.145	16.326.902.544
Cộng	18.705.648.141	19.300.334.541

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 519,6 m² đất tại số 21-23 đường Nguyễn Văn Cừ, phường 13, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 168.400 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2012.
- Tổng số tiền thuê 124,044 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 3.305 VND/m²/năm cho 118.425 m² và 2.645 VND/m²/năm cho 5.619 m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 46,5 năm tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2000.
- Tổng số tiền thuê 3.332,7 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 30.240 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 43 năm tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2005.

Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Quy cách	Số lượng	Quy cách	Số lượng
Bao bì (nhân, màng, nắp, chai)	Bộ	31.528	Bộ	17.350
	Cái	3.891.032	Cái	3.499.738
	Kg	1.155	Kg	578
	Thùng	1	Thùng	459
Dầu thành phẩm	Chai	-	Chai	142.358
Dầu nguyên liệu	Kg	198.121	Kg	1.184.709

23b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 156.283,55 USD (số đầu năm là 648,663.86 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	3.241.195.724.475	2.903.911.546.500
Doanh thu bán thành phẩm	890.702.172.795	617.708.545.340
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.846.086.066	74.578.364.256
Doanh thu khác	530.055.913	-
Cộng	4.158.274.039.249	3.596.198.456.096

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng, thành phẩm	147.551.636.075	166.412.622.993
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.492.286.608	5.332.957.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	113.510.916	-
Hàng bán bị trả lại	1.712.398.738	52.283.200
Giảm giá hàng bán	26.355.642	3.448.711.353
Cộng	<u>1.852.265.296</u>	<u>3.500.994.553</u>
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.258.985.616.027	2.806.142.056.945
Giá vốn của thành phẩm đã bán	696.370.997.462	627.757.634.854
Giá vốn dịch vụ	445.439.175	174.240.084
Giá vốn khác	362.166.804	-
Chi phí khấu hao dưới mức công suất bình thường được tính trực tiếp vào giá vốn	3.122.167.922	1.102.318.115
Cộng	<u>3.959.286.387.390</u>	<u>3.435.176.249.998</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.734.916.251	1.797.612.161
Cổ tức, lợi nhuận được chia	136.373.384.976	167.957.968.116
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.293.950.894	3.134.876.634
Lãi chuyển nhượng một phần công ty con	68.784.244.800	-
Cộng	<u>221.186.496.921</u>	<u>172.890.456.911</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.562.503.815	23.399.778.109
Phải trả về cổ phần hóa	47.479.257.700	-
Phí môi giới chuyển nhượng công ty con	416.805.192	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.331.834.027	19.960.611.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	140.807.251	951.727.131
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(67.759.314.000)	114.951.752.524
Cộng	<u>9.171.893.985</u>	<u>159.263.869.423</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.241.909.980	7.174.191.997
Chi phí vật liệu, bao bì	282.132.719	35.082.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.593.642	29.735.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.553.449.481	20.015.514.896
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>10.158.259.985</i>	<i>12.082.622.374</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>8.395.189.496</i>	<i>7.932.892.522</i>
Các chi phí khác	31.690.195.098	17.233.754.606
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>10.045.634.675</i>	<i>9.264.426.327</i>
<i>Chi phí quảng cáo</i>	<i>11.190.581.839</i>	<i>2.273.699.999</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>10.453.978.584</i>	<i>5.695.628.280</i>
Cộng	<u>64.799.280.920</u>	<u>44.488.279.337</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	32.934.251.612	33.968.815.567
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	1.722.451.562	768.091.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.608.196.286	10.348.703.849
Chi phí dự phòng	(151.428.643)	5.642.232.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.292.746.033	7.517.173.058
Các chi phí khác	17.517.390.615	19.305.610.450
Cộng	<u>72.923.607.465</u>	<u>77.550.626.920</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập do bán phế liệu, phế phẩm	-	445.064.546
Thu bảo hiểm bồi thường	198.712.796	161.742.763
Thuế tự vệ được hoàn	-	809.057.267
Xử lý công nợ	-	1.586.167.060
Hàng thừa sau kiểm kê	656.248.644	-
Các khoản thu nhập khác	68.865.677	311.145.840
Cộng	<u>923.827.117</u>	<u>3.313.177.476</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	60.798.516	-
Chi phí bán phế liệu, phế phẩm	-	1.111.084.921
Thuế VAT đầu vào không được bồi thường	200.647.330	-
Tiền nộp phạt thuế và vi phạm hành chính	18.573.874	301.214.511
Các khoản chi phí khác	49.100.420	6.423.233
Cộng	<u>329.120.140</u>	<u>1.418.722.665</u>

10. Lãi trên cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	641.074.206.437	600.558.718.755
Chi phí nhân công	67.272.709.232	61.817.826.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.439.156.582	25.788.271.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.766.719.381	30.735.812.831
Chi phí khác	53.972.738.344	48.611.098.037
Cộng	<u>822.525.529.976</u>	<u>767.511.727.202</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản đầu năm	1.962.098.717	-
Trả trước tiền mua sắm tài sản cuối năm	1.011.622.218	1.962.098.717
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ đầu năm	-	1.241.951.236
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ cuối năm	124.322.091	-
Tặng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân bằng khoản lợi nhuận được chia phải thu đầu năm	62.696.582.675	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	324.361.200	168.361.200
Trên 1 năm đến 5 năm	427.331.100	159.475.470
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>751.692.300</u>	<u>327.836.670</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 7.568.656.000 VND (năm trước là 8.279.359.000 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	Công ty con
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	Cổ đông chiếm 24% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty không phát sinh các giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.14 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là mua bán nguyên liệu chế biến dầu thực vật và sản xuất dầu thực vật, các hoạt động khác như gia công, dịch vụ cho thuê kho cảng, cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng nội địa, doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể nên Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tổng Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 58% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 84%), Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình với số dư nợ phải thu chiếm 15% (số đầu năm chiếm 8%), Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè số dư nợ phải thu chiếm 17% (số đầu năm chiếm 0%). Các khách hàng này là bên liên quan của Tổng Công ty nên rủi ro tín dụng rất thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.872.599.785	-	126.872.599.785
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131.805.834.641	-	131.805.834.641
Phải thu khách hàng	300.396.918.823	4.252.232.000	304.649.150.823
Các khoản phải thu khác	4.087.650.751	1.238.571.357	5.326.222.108
Cộng	563.163.004.000	5.490.803.357	568.653.807.357
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.329.190.049	-	85.329.190.049
Phải thu khách hàng	333.246.846.031	4.252.232.000	337.499.078.031
Các khoản phải thu khác	163.203.251.144	1.390.000.000	164.593.251.144
Cộng	581.779.287.224	5.642.232.000	587.421.519.224

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	311.939.779.459	-	-	311.939.779.459
Vay và nợ	353.381.269.190	3.933.868.504	8.717.758.422	366.032.896.116
Các khoản phải trả khác	74.517.343.974	-	-	74.517.343.974
Cộng	739.838.392.623	3.933.868.504	8.717.758.422	752.490.019.549
Số đầu năm				
Phải trả người bán	210.118.567.602	-	-	210.118.567.602
Vay và nợ	612.231.139.126	3.887.262.776	9.586.292.206	625.704.694.108
Các khoản phải trả khác	278.708.564.963	-	-	278.708.564.963
Cộng	1.101.058.271.691	3.887.262.776	9.586.292.206	1.114.531.826.673

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Tổng Công ty như sau:

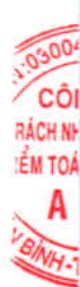
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	156,283.55	648,663.86
Phải thu khách hàng	68,162.40	213,899.80
Phải trả người bán	(13,154,144.12)	(1,321,989.85)
Vay và nợ	(598,292.57)	(5,207,562.89)
Các khoản phải trả khác	(7,380.00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(13,535,370.74)	(5,666,989.08)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 6.145.058.314 VND (năm trước giảm/tăng 2.544.478.097 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	30.130.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131.805.834.641	-	-	-
Vay và nợ	(352.397.802.064)	-	(508.339.055.493)	(4.566.116,59)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(220.591.967.423)	-	(478.209.055.493)	(4.566.116,59)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% và vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 4.411.839.348 VND (năm trước giảm/tăng 12.647.679.643 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tổng Công ty quản lý rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.872.599.785	-	85.329.190.049	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	131.805.834.641	-	-	-
Phải thu khách hàng	304.649.150.823	(4.252.232.000)	337.499.078.031	(4.252.232.000)
Các khoản phải thu khác	5.326.222.108	(1.238.571.357)	164.593.251.144	(1.390.000.000)
Cộng	568.653.807.357	(5.490.803.357)	587.421.519.224	(5.642.232.000)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	311.939.779.459	210.118.567.602
Vay và nợ	366.032.896.116	625.704.694.108
Các khoản phải trả khác	74.517.343.974	278.708.564.963
Cộng	752.490.019.549	1.114.531.826.673

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 của Tổng công ty ngày 20 tháng 01 năm 2017 đã nhất trí thông qua các vấn đề sau:

- Sáp nhập Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật và Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật vào Tổng Công ty;
- Chuyển cổ phần hạn chế chuyển nhượng sang cổ phần tự do chuyển nhượng của người lao động Tổng Công ty;
- Chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt nam Thịnh Vượng (VPBS) thoái vốn trước hạn;
- Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido chào mua theo thỏa thuận và không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty để nâng tỷ lệ sở hữu lên 51% Vốn điều lệ.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Phương Minh
Người lập biểu

Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc